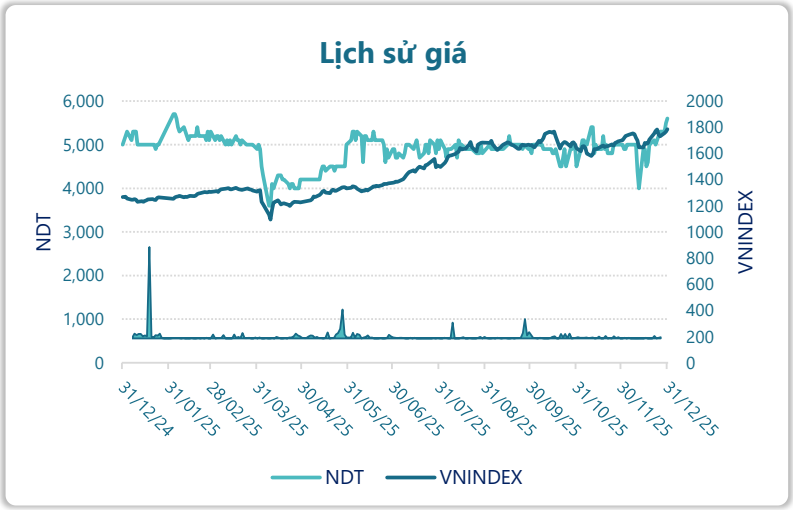
FireAnt

Tổng CTCP Dệt may Nam Định (UPCOM: NDT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	15,639,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
P/E	24.4
EPS	229

DT thuần

Q4/25

284

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0| 9.8%

YoY: ▼93.0| -24.6%

LN sau thuế

Q4/25

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.1| 753%

YoY: ▲ 38.8| 179%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.6%

+/- YoY: ▲ 7.2%

DT thuần

2025

1,111

tỷ VNĐ

YoY: ▼299| -21.2%

LN sau thuế

2025

6.21

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 102| 106%

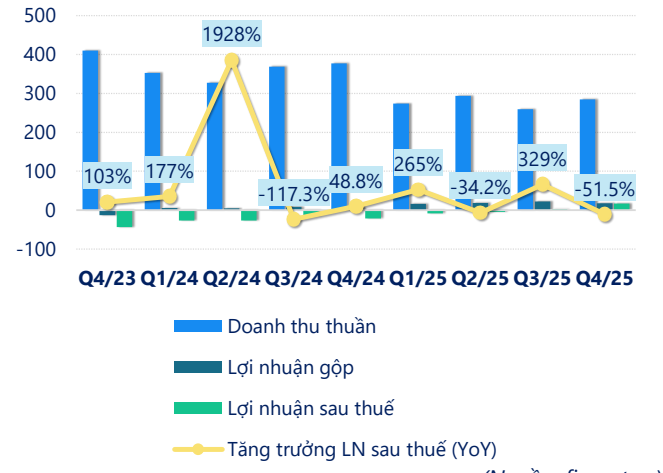
ROE

2025

6.0%

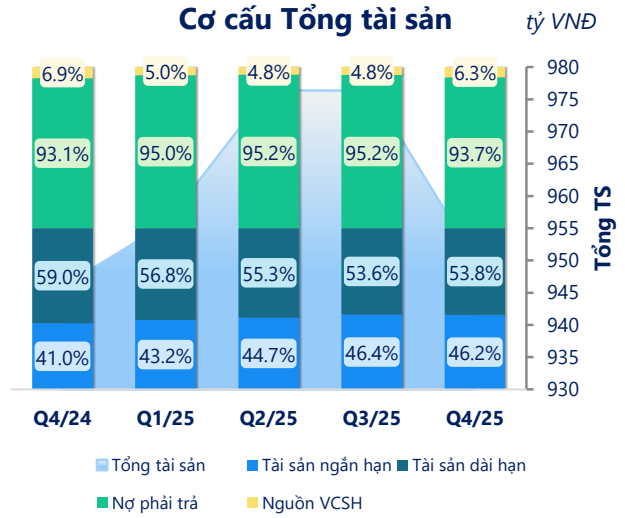
+/- YoY: ▲ 93.1%

Kết quả kinh doanh



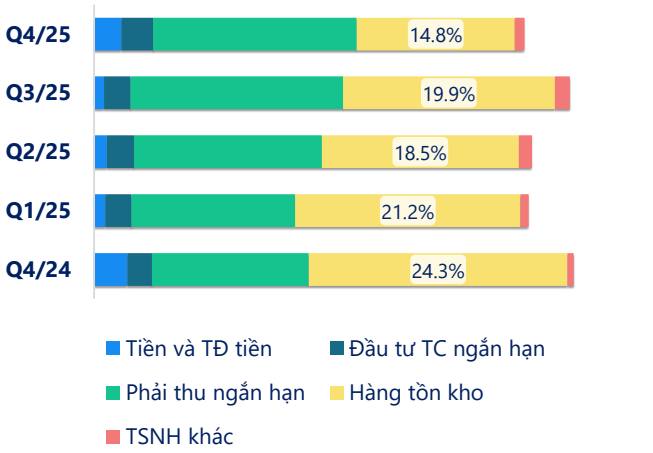
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



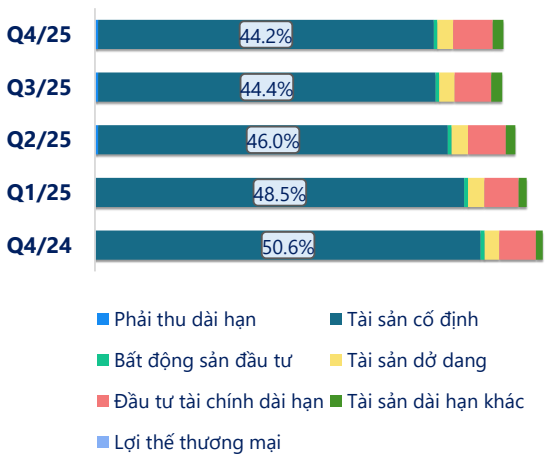
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



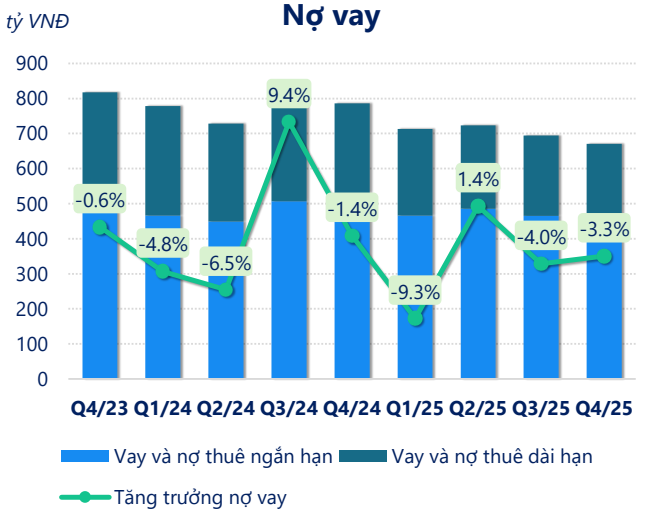
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



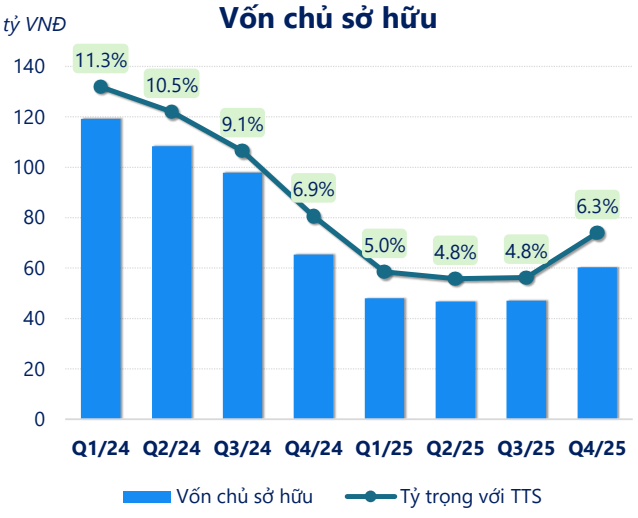
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



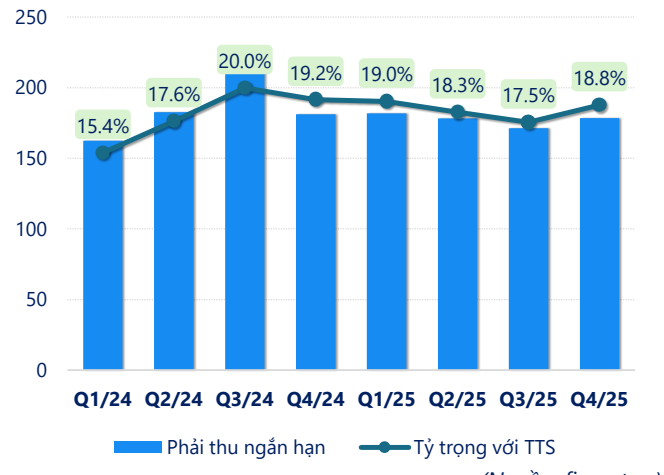
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



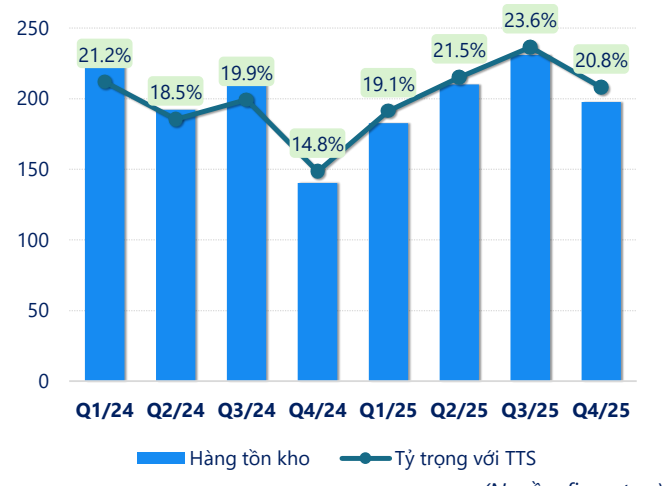
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



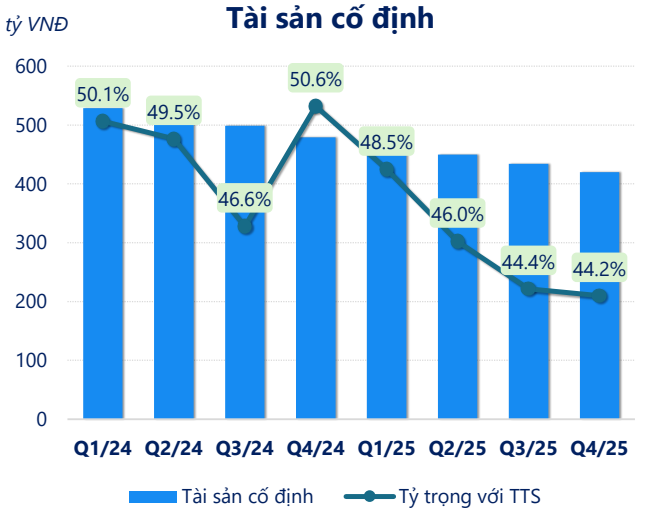
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



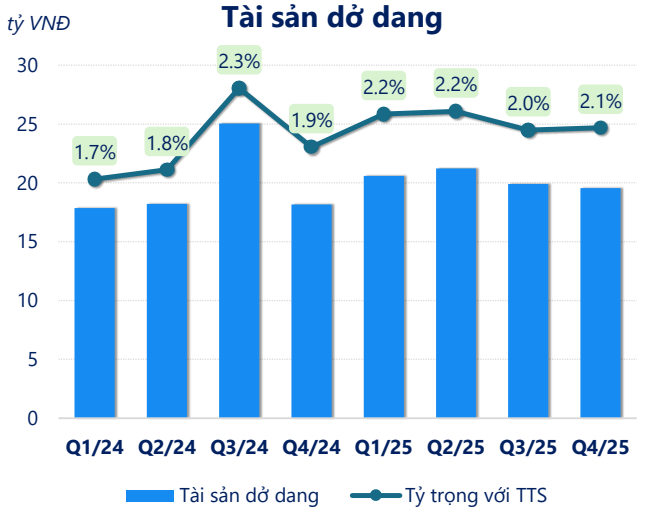
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



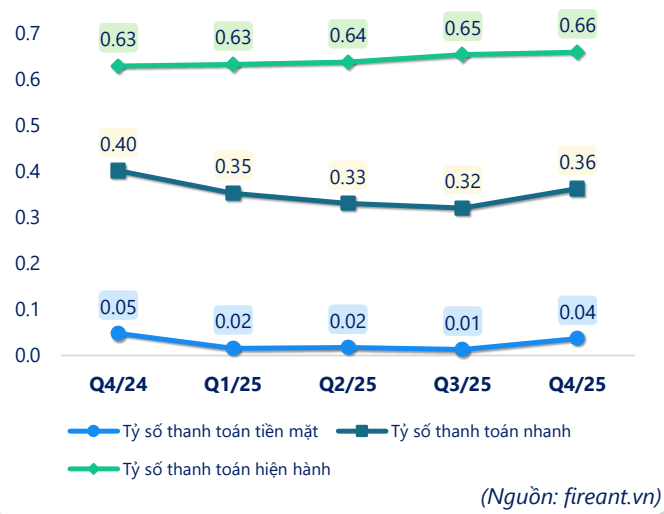
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



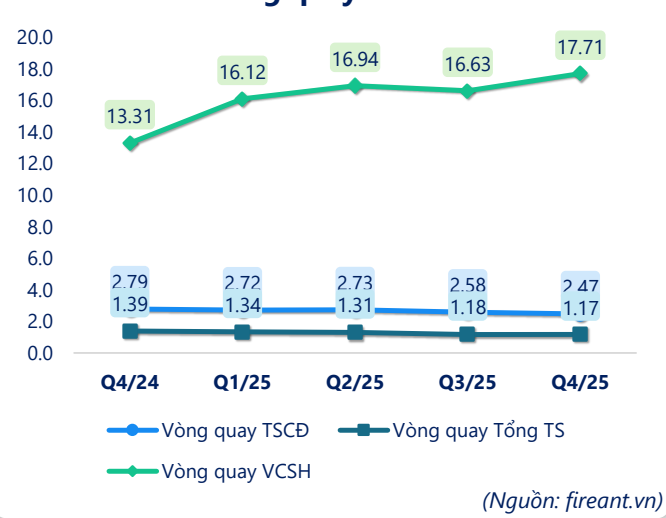
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**946**	**956**	**976**	**976**	**950**
Tài sản ngắn hạn	**388**	**413**	**436**	**453**	**439**
Tiền và tương đương tiền	29.5	10.1	11.7	9.08	24.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.3	28.5	28.7	32.2	28.5
Phải thu ngắn hạn	181	182	178	171	178
Hàng tồn kho	140	183	210	231	198
Tài sản ngắn hạn khác	8.77	9.44	7.26	9.42	10.4
Tài sản dài hạn	**558**	**543**	**540**	**524**	**511**
Phải thu dài hạn	0.98	0.90	4.10	4.02	3.94
Tài sản cố định	479	463	450	434	420
Bất động sản đầu tư	5.12	4.96	4.81	4.66	4.53
Tài sản dở dang	18.2	20.6	21.2	19.9	19.5
Đầu tư tài chính dài hạn	45.6	43.3	48.5	46.9	49.6
Tài sản dài hạn khác	8.85	9.91	12.1	14.1	13.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**881**	**908**	**930**	**929**	**890**
Nợ ngắn hạn	**617**	**652**	**684**	**692**	**666**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	531	466	486	465	455
Phải trả người bán ngắn hạn	60.1	155	165	183	188
Nợ dài hạn	264	256	246	237	224
Vay và nợ thuê dài hạn	255	247	238	229	216
Nguồn vốn chủ sở hữu	**65.3**	**47.9**	**46.7**	**47.1**	**60.2**
Vốn chủ sở hữu	**65.3**	**47.9**	**46.7**	**47.1**	**60.2**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)